|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinacapital**  **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth (VEOF)** | ***Mẫu số B06g-QM***  *(Ban hành theo TT số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính)* |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I năm 2021**

1. **Đặc điểm hoạt động của Quỹ Đầu tư**
   1. **Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 18/GCN-UBCK ngày 14 tháng 03 năm 2014. Giấy chứng nhận thành lập Quỹ đại chúng số 12/GCN-UBCK ngày 01 tháng 07 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp và Quyết định số 803/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 10 năm 2015 về việc sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

* 1. **Địa chỉ liên hệ của Quỹ**

Địa chỉ liên hệ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital, Lầu 17, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

* 1. **Điều lệ hoạt động Quỹ mở**

Điều lệ hoạt động quỹ mở VEOF ban hành vào tháng 07 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung lần 1 vào ngày 05 tháng 08 năm 2015, sửa đổi bổ sung lần 2 vào ngày 19 tháng 04 năm 2016, sửa đổi bổ sung lần 3 vào ngày 19 tháng 08 năm 2016, sửa đổi bổ sung lần 4 vào ngày 31 tháng 05 năm 2018, sửa đổi bổ sung lần 5 vào ngày 09 tháng 09 năm 2019 và sửa đổi bổ sung lần 6 vào ngày 08 tháng 05 năm 2020.

* 1. **Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ mở**
* ***Quy mô vốn Quỹ mở***

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.713.232,10 chứng chỉ với tổng giá trị là 57.132.321.000 đồng, chiếm 114,26% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 154.007.361.000 đồng, tương đương với 15.400.736,10 chứng chỉ quỹ.

* ***Mục tiêu đầu tư của Quỹ***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm, nắm bắt cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán hướng đến tối đa hóa lợi nhuận đầu tư và tối thiểu hóa rủi ro cho nhà đầu tư.

* ***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)***

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần, hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

* ***Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ mở***

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là hai lần một tuần vào các ngày ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần hoặc theo Quyết định của Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ nhưng không ít hơn hai lần trong một tháng.

* ***Hạn chế đầu tư của Quỹ mở***

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với các mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

1. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
   1. **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

* 1. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam (“VNĐ”).

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
   1. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Quỹ mở theo quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

* 1. **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

1. **Các chính sách kế toán áp dụng**
   1. **Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua chứng chỉ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (3) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

* 1. **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, trái phiếu chính phủ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi.

* ***Nguyên tắc phân loại:*** Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.
* ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

* Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.
* Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.
* ***Ghi nhận tiếp theo***

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

* Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc.
* Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
* Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.
* Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục ‘Phải thu khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

* ***Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ***

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với các quy định có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

* ***Nguyên tắc định giá***

Phương pháp xác định giá trị tải sản ròng cho một số loại tài sản chủ yếu của Quỹ VEOF được quy định rõ tại phụ lục 4 trong điều lệ hoạt động của Quỹ

* ***Chấm dứt ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

* 1. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

***Dự phòng***

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết, Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019:

|  |  |
| --- | --- |
| *Thời gian quá hạn* | *Mức trích dự phòng* |
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

* 1. **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

* 1. **Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn**

***- Vốn chủ sở hữu***

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

***- Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần phát hành bổ sung hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công tu quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

***- Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

*-* ***Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

1. ***Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối***

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi//(lỗ) chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán. Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “*Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối*”.

1. ***Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư***

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

* 1. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu

*Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

* 1. **Các khoản chi phí**

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích trong báo cáo kết quả hoạt động. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

*Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,75% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý quỹ tại từng kỳ định giá được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ = 1,75% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm.

*Giá dịch vụ giám sát – Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)*

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá (tối thiểu là 22.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế VAT), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức giá dịch vụ giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Giá dịch vụ giám sát tại từng kỳ định giá được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ giám sát = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm.

*Giá dịch vụ lưu ký - Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)*

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá (tối thiểu là 17.000.000 đồng mỗi tháng không bao gồm VAT), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được trả cho Ngân hàng Lưu ký hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm giá dịch vụ lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán. v.v. Mức giá dịch vụ lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Giá dịch vụ lưu ký tại mỗi kỳ định giá được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm.

*Giá dịch vụ dịch vụ quản trị Quỹ - Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)*

Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế VAT), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ tại mỗi kỳ định giá được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm.

*Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 10.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế VAT, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Phí giao dịch chứng khoán - Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)*

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Lưu ký một khoản phí giao dịch chứng khoán là 150.000 VNĐ/giao dịch mua bán chứng khoán.

* 1. **Thuế**

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

***Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà Đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài. Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

***Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và

những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

* 1. **Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

1. **Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ**
   1. **Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2021** | **31/12/2020** |
|  | **VNĐ** | **VNĐ** |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở tại Ngân hàng  giám sát | 1.694.388.418 | 26.701.921.062 |
| Tiền gửi cho hoạt động mua, bán Chứng chỉ Quỹ | 972.410.058 | 5.566.022.795 |
|  | **2.666.798.476** | **32.267.943.857** |

* 1. **Các khoản đầu tư thuần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản đầu tư** | **Giá mua** | **Giá thị trường** | **Chênh lệch đánh giá** | | **Giá trị đánh giá lại** |
| **Chênh lệch tăng** | **Chênh lệch giảm** |
|  | **VNĐ** | **VNĐ** | **VNĐ** | **VNĐ** | **VNĐ** |
|  | [1] | [2] | [3]=[2]-[1] | [4]=[1]-[2] | [5]=[1]+[3]+[4] |
| Cổ phiếu niêm yết | 206.712.115.717 | 291.741.522.250 | 86.144.725.770 | (1.115.319.237) | 291.741.522.250 |
|  | **206.712.115.717** | **291.741.522.250** | **86.144.725.770** | **(1.115.319.237)** | **291.741.522.250** |

* 1. **Phải trả phí cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2021** | **31/12/2020** |
|  | **VNĐ** | **VNĐ** |
| Phải trả Công ty Quản lý quỹ | 319.038.120 | 274.713.096 |

* 1. **Chi phí phải trả**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2021** | **31/12/2020** |
|  | **VNĐ** | **VNĐ** |
| Trích trước phí kiểm toán | 39.328.767 | 79.750.000 |
| Trích trước thù lao ban đại diện quỹ | 9.000.000 | 9.000.000 |
|  | **48.328.767** | **88.750.000** |

* 1. **Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2021** | **31/12/2020** |
|  | **VNĐ** | **VNĐ** |
| Trích trước giá dịch vụ quản lý quỹ | 445.747.329 | 472.191.606 |
| Trích trước giá dịch vụ lưu ký tài sản | 17.000.000 | 17.000.000 |
| Trích trước giá dịch vụ quản trị quỹ | 23.100.000 | 23.100.000 |
| Trích trước giá dịch vụ giám sát | 24.200.000 | 24.200.000 |
| Trích trước giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Phải trả phí giao dịch | 5.550.000 | 5.250.000 |
|  | **526.597.329** | **552.741.606** |

* 1. **Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Đơn vị** | **31/12/2020** | **Phát sinh trong kỳ** | **31/03/2021** |
|  |  |  |  |  |
| **Vốn góp phát hành** |  |  |  |  |
| Số lượng | CCQ | 153.643.382,53 | 4.877.042,97 | 158.520.425,50 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | VNĐ | 1.536.433.825.300 | 48.770.429.700 | 1.585.204.255.000 |
| Thặng dư vốn | VNĐ | 639.325.130.782 | 39.768.681.602 | 679.093.812.384 |
| Tổng giá trị phát hành CCQ | VNĐ | 2.175.758.956.082 | 88.539.111.302 | 2.264.298.067.384 |
| **Vốn góp mua lại** |  |  |  |  |
| Số lượng | CCQ | (134.471.220,23) | (8.648.469,17) | (143.119.689,40) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | VNĐ | (1.344.712.202.300) | (86.484.691.700) | (1.431.196.894.000) |
| Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư | VNĐ | (571.271.619.721) | (72.875.219.615) | (644.146.839.336) |
| Tổng giá trị mua lại CCQ | VNĐ | (1.915.983.822.021) | (159.359.911.315) | (2.075.343.733.336) |
| Lợi nhuận để lại | VNĐ | 65.706.516.402 | 38.795.479.243 | 104.501.995.645 |
| Số lượng CCQ hiện hành | VNĐ | 19.172.162,30 | (3.771.426,20) | 15.400.736,10 |
| Giá trị vốn góp hiện hành | VNĐ | 259.775.134.061 | (70.820.800.013) | 188.954.334.048 |
| Giá trị tài sản ròng | VNĐ | 325.481.650.463 |  | 293.456.329.693 |
| NAV hiện hành/ 1 CCQ | VNĐ/CCQ | 16.976,78 |  | 19.054,69 |

1. **Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo tài chính**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

|  |  |
| --- | --- |
| Người lập: | Người duyệt: |
|  |  |
|  |  |
| **Nguyễn Xuân Châu**  Kế toán trưởng | **Brook Colin Taylor**  Người đại diện pháp luật |